

Viết bởi Đặng Vĩnh Hiếu
Thống kê, 18 Tháng 9 2021 15:18 -

1 / 3

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC; THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I; NĂM HỌC 2021-2022- Áp dụng từ 20.9.2021

Lớp	Thứ	10/1	10/2	10/3	10/4	10/5	10/6	10/7	10/8	11/5	11/6
		Trần Thị Trang	Nguyễn Tấn Tài	Lê Thị Thanh Vy	Đỗ Thị Tâm	Tôn Nữ Tú Vân	Nguyễn Thị Giang	Nguyễn Văn Tuấn	Thái Vũ Khánh	Lê Thị Hồng Hạnh	Uyên Thị Dự
1	1	Anh(Trang)	Tin(Công)	GDCD(Đội)	Văn(Tâm)	Lì(Thủy)	Lì(Hoàng)	GDCD(Giang)	Tin(Khánh)	Sinh(Hạnh)	Hòa(Hiếu)
	2	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT
Thứ 2: Các lớp 10/1,2,3,4,5,6,7,8 và 11/5,6,7 vào lớp từ 6 giờ 50 phút; Tiết 2: GVCN chủ trì sinh hoạt tập thể đến 8 giờ 05. Chiều thứ 2 nghỉ; Thứ 3 đến thứ 7: học buổi chiều											
2	1										
	2										
3	6	Văn(Tâm)	Hóa(Liêm)	Toán(H Hùng)	Anh(Trang)	Toán(Dương)	Hóa(TÚ)	Lì(Hoàng)	Văn(Hiếu)	Anh(Uyên)	Anh(VTTh)
	7	Văn(Tâm)	Hóa(Liêm)	Toán(H Hùng)	Anh(Trang)	Toán(Dương)	Lì(Hoàng)	Văn(Hiếu)	Anh(Ngọc)	Toán(Đức)	Sinh(Hạnh)
4	8	Anh(Trang)	Toán(H Hùng)	Hóa(Liêm)	Văn(Tâm)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	Văn(Hiếu)	Toán(Dương)	Toán(Đức)	Địa(nhung)
	9	Hóa(Liêm)	Toán(H Hùng)	Văn(Tâm)	Tin(Khánh)	Văn(Hiếu)	Toán(Dương)	Anh(Ngọc)	Lì(Hoàng)	Sinh(Hạnh)	Toán(Đức)
5	10	Toán(H Hùng)	Anh(Trang)	Văn(Tâm)	Hóa(Liêm)	Văn(Hiếu)	Toán(Dương)	Anh(Ngọc)	Lì(Hoàng)	Địa(nhung)	Toán(Đức)
	6	Địa(nhung)	Văn(Tâm)	Toán(H Hùng)	GDCD(Đội)	Lì(Thủy)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Địa(Phượng)	Văn(Hòa)	Hòa(Hiếu)
6	7	GDCD(Đội)	Văn(Tâm)	Toán(H Hùng)	Địa(nhung)	Anh(Ngọc)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Lì(Hoàng)	Văn(Hòa)	Hòa(Hiếu)
	8	Văn(Tâm)	Toán(H Hùng)	Hóa(Liêm)	Lì(Thủy)	Anh(Ngọc)	Văn(Hiếu)	Địa(Phượng)	Toán(Dương)	Toán(Đức)	Văn(Hòa)
7	9	Hóa(Liêm)	GDCD(Đội)	Địa(nhung)	Toán(H Hùng)	Địa(Phượng)	Văn(Hiếu)	Lì(Hoàng)	Anh(Ngọc)	Hóa(TÚ)	Toán(Đức)
	10	Toán(H Hùng)	Địa(nhung)	Văn(Tâm)	Hóa(Liêm)	Văn(Hiếu)	Địa(Phượng)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	GDCD(Đội)	Toán(Đức)
8	6	Toán(H Hùng)	Văn(Tâm)	Anh(Trang)	Hóa(Liêm)	Tin(Khánh)	Sinh(Xuân)	Sư(Lai)	Toán(Dương)	Anh(Uyên)	Văn(Hòa)
	7	Toán(H Hùng)	Văn(Tâm)	Anh(Trang)	Tin(Khánh)	Sinh(Xuân)	Lì(Hoàng)	Toán(Dương)	Sư(Lai)	Anh(Uyên)	Văn(Hòa)
9	8	Văn(Tâm)	Anh(Trang)	Hóa(Liêm)	Lì(Thủy)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Lì(Hoàng)	Sinh(Xuân)	Văn(Hòa)	CN(PV Hùng)
	9	Hóa(Liêm)	Toán(H Hùng)	Tin(Công)	Lì(Thủy)	Sư(Lai)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Hóa(TÚ)	Văn(Hòa)	Anh(VTTh)
10	10	Tin(Công)	Hóa(Liêm)	Văn(Tâm)	Toán(H Hùng)	Lì(Thủy)	Sư(Lai)	Sinh(Xuân)	Hóa(TÚ)	CN(PV Hùng)	Anh(VTTh)
11	6	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN
	7	Địa(nhung)	Anh(Trang)	Lì(Tú)	Văn(Tâm)	Văn(Hiếu)	CN(Vân)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Lì(CHÁNH)	GDCD(Đội)
12	8	Anh(Trang)	Lì(Tú)	Địa(nhung)	Văn(Tâm)	GDCD(Giang)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Văn(Hiếu)	Hóa(TÚ)	Lì(CHÁNH)
	9	Lì(Tú)	CN(Vân)	Anh(Trang)	Địa(nhung)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Văn(Hiếu)	GDCD(Giang)	Hóa(TÚ)	Tin(Son)
13	10	Lì(Tú)	Địa(nhung)	CN(Vân)	Anh(Trang)	Tin(Khánh)	GDCD(Giang)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Tin(Son)	Sinh(Hạnh)
	6	Sư(Lai)	Tin(Công)	Lì(Tú)	Toán(H Hùng)	CN(Vân)	Địa(Phượng)	Văn(Hiếu)	Hóa(TÚ)	Văn(Hòa)	Lì(CHÁNH)
14	7	CN(Vân)	Sinh(Xuân)	Lì(Tú)	Toán(H Hùng)	Anh(Ngọc)	Văn(Hiếu)	Hóa(TÚ)	Địa(Phượng)	Lì(CHÁNH)	Văn(Hòa)
	8	Sinh(Xuân)	Lì(Tú)	Tin(Công)	Sư(Lai)	Địa(Phượng)	Văn(Hiếu)	Anh(Ngọc)	CN(Vân)	Toán(Đức)	Văn(Hòa)
15	9	Tin(Công)	Lì(Tú)	Sư(Lai)	Sinh(Xuân)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	CN(Vân)	Văn(Hiếu)	Toán(Đức)	Sinh(Giang)
	10	Lì(Tú)	Sư(Lai)	Sinh(Xuân)	CN(Vân)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	Địa(Phượng)	Văn(Hiếu)	Sinh(Giang)	Toán(Đức)

Vi t bi i Đ ng Vĩnh Hi u

Th b y, 18 Tháng 9 2021 15:18 -
